Chi tiết mã HS 0106.12.20

Mã HS	0106.12.20
Mô tả hàng hóa	Động vật sống khác / - Động vật có vú: / - - Cá voi, cá heo chuột và cá heo (động vật có vú thuộc bộ cá voi Cetacea); lợn biển và cá nược (động vật có vú thuộc bộ Sirenia); hải cẩu, sư tử biển và hải mã (con moóc) (động vật có vú thuộc phân bộ Pinnipedia): / - - - Hải cẩu, sư tử biển và hải mã (con moóc) (động vật có vú thuộc phân bộ Pinnipedia)
Đơn vị	kg/con
Thời điểm tạo	03/11/2026 20:31:14
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://vietnamtariff.com/hs-code/01061220/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	7.5	7,5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K90
Thuế NK ưu đãi (MFN)	5	5%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N90
Thuế GTGT (VAT)	*/5/8/10	* / 5 / 8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q90
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái

AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
VNCU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2023 - 2027	VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	2.9	2,9%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E85
ATIGA	2022	2022	0	AT!E86
ATIGA	2023	2023	0	AT!F86
ATIGA	2024	2024	0	AT!G86
ATIGA	2025	2025	0	AT!H86
ATIGA	2026	2026	0	AT!I86
ATIGA	2027	2027	0	AT!J86
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E88
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F88
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G88
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H88

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I88
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J88
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E86
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F86
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G86
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H86
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I86
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J86
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F86
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H85
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F88
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G88
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H88
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I88
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J88
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K88
VKFTA	2022	2022	0	VK!E86
VKFTA	2023	2023	0	VK!F86
VKFTA	2024	2024	0	VK!G86
VKFTA	2025	2025	0	VK!H86
VKFTA	2026	2026	0	VK!I86
VKFTA	2027	2027	0	VK!J86
VCFTA	2022	2022	0	VC!D87
VCFTA	2023	2023	0	VC!E87
VCFTA	2024	2024	0	VC!F87
VCFTA	2025	2025	0	VC!G87

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2026	2026	0	VC!H87
VCFTA	2027	2027	0	VC!I87
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D88
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E88
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F88
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G88
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H88
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I88
VNCU	2022	2022	0	VNCU!D13
VNCU	2023 - 2027		0	VNCU!E13
AHKFTA	2022	2022	0	AKH!D86
AHKFTA	2023	2023	0	AKH!E86
AHKFTA	2024	2024	0	AKH!F86
AHKFTA	2025	2025	0	AKH!G86
AHKFTA	2026	2026	0	AKH!H86
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I86
EVFTA	2022	2022	0	EV-NK!D85
EVFTA	2023	2023	0	EV-NK!E85
EVFTA	2024	2024	0	EV-NK!F85
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G85
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H85
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I85
UKVFTA	2022	2022	0	UKV!D87
UKVFTA	2023	2023	0	UKV!E87
UKVFTA	2024	2024	0	UKV!F87
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G87

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H87
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I87
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D87
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E87
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F87
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G87
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H87
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I87
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J87
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D86
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E86
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F86
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G86
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H86
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I86
RCEP B	2022	2022	0	B!D86
RCEP B	2023	2023	0	B!E86
RCEP B	2024	2024	0	B!F86
RCEP B	2025	2025	0	B!G86
RCEP B	2026	2026	0	B!H86
RCEP B	2027	2027	0	B!I86
RCEP C	2022	2022	0	C!D86
RCEP C	2023	2023	0	C!E86
RCEP C	2024	2024	0	C!F86
RCEP C	2025	2025	0	C!G86
RCEP C	2026	2026	0	C!H86

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP C	2027	2027	0	C!I86
RCEP D	2022	2022	0	D!D86
RCEP D	2023	2023	0	D!E86
RCEP D	2024	2024	0	D!F86
RCEP D	2025	2025	0	D!G86
RCEP D	2026	2026	0	D!H86
RCEP D	2027	2027	0	D!I86
RCEP E	2022	2022	0	E!D86
RCEP E	2023	2023	0	E!E86
RCEP E	2024	2024	0	E!F86
RCEP E	2025	2025	0	E!G86
RCEP E	2026	2026	0	E!H86
RCEP E	2027	2027	0	E!I86
RCEP F	2022	2022	0	F!D86
RCEP F	2023	2023	0	F!E86
RCEP F	2024	2024	0	F!F86
RCEP F	2025	2025	0	F!G86
RCEP F	2026	2026	0	F!H86
RCEP F	2027	2027	0	F!I86
VIFTA	2024	2024	4,3	VI!F79
VIFTA	2025	2025	3.6	VI!G79
VIFTA	2026	2026	2.9	VI!H79
VIFTA	2027	2027	2.1	VI!I79

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh
DOC-002	ORANGE	Giấy phép / danh mục quản lý	Chính sách mặt hàng tham chiếu danh mục quản lý: Loài thủy sản cấm XK (01/2024/TT-BNNPTNT M8)*		01/2024/TT-BNNPTNT	Xác minh hàng hóa có thuộc diện giấy phép, cấm hoặc hạn chế theo văn bản nêu trên.	Văn bản dẫn chiếu trong file nguồn; chưa xác minh hiệu lực
DOC-003	YELLOW	Kiểm dịch	Chính sách mặt hàng: Động vật, sản phẩm động vật thủy sản phải kiểm dịch (01/2024/TT-BNNPTNT M5)		01/2024/TT-BNNPTNT	Đăng ký kiểm dịch động/thực vật theo quy định.	Văn bản dẫn chiếu trong file nguồn; chưa xác minh hiệu lực
DOC-004	YELLOW	Chính sách mặt hàng khác	HH là mẫu vật động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm và động vật thuộc các phụ lụcCITES (17/2023/TT-BNNPTNT)		17/2023/TT-BNNPTNT	Đọc văn bản được dẫn chiếu.	Văn bản dẫn chiếu trong file nguồn; chưa xác minh hiệu lực
HS-003	YELLOW	Classification Review Required – có các dòng thuế tương tự	Phân nhóm 0106.12 có 2 dòng thuế; dòng 0106.12.20 được phân biệt với các dòng khác theo mô tả: Hải cẩu, sư tử biển và hải mã (con moóc) (động vật có vú thuộc phân bộ Pinnipedia).	0106.12.10 Cá voi, cá heo chuột và cá heo (động vật có vú thuộc bộ cá voi Cetacea); lợn biển và cá nược (động vật có vú thuộc bộ Sirenia)	31/2022/TT-BTC	Xác minh các đặc điểm phân biệt; cân nhắc đề nghị xác định trước mã số nếu chưa chắc chắn.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
HS-004	YELLOW	Mã HS mới từ Danh mục 2023	Mã 0106.12.20 được đánh dấu là mã mới bổ sung trong biểu thuế 2023 (worksheet MOI). Hợp đồng, C/O hoặc tài liệu cũ có thể dùng mã 2017.	MOI: 0106.12.20	31/2022/TT-BTC	Đảm bảo C/O và chứng từ thể hiện mã HS phù hợp; file nguồn không cung cấp bảng tương quan mã cũ–mới.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “*/5/8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 0106.12.20. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 5% của mã 0106.12.20 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N90), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Chính sách mặt hàng

Chính sách mặt hàng
HH là mẫu vật động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm và động vật thuộc các phụ lụcCITES (17/2023/TT-BNNPTNT)
Động vật, sản phẩm động vật thủy sản phải kiểm dịch (01/2024/TT-BNNPTNT M5)
Loài thủy sản cấm XK (01/2024/TT-BNNPTNT M8)*

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.